

TOP200



Các vấn đề về phương pháp và số liệu

Bản quyền © 2007 Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc tại Việt Nam

Giấy phép xuất bản số: 772-2007/CXB/23-12/HĐ
Nhà Xuất Bản Hồng Đức cấp ngày 21.09.2007

Ảnh bìa: Jago Penrose, Nguyễn Thị Thanh Nga/ UNDP Việt Nam
Thiết kế mỹ thuật: Đặng Hữu Cự/UNDP Việt Nam

In tại Việt Nam



Các vấn đề về phương pháp và số liệu trong nghiên cứu về 200 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam

Phần ghi chú này giải thích phương pháp được sử dụng để xác định những doanh nghiệp lớn nhất ở Việt Nam. Nó cũng thảo luận một số vấn đề về số liệu và nỗ lực khắc phục những điểm có thể khắc phục được. Điều tra doanh nghiệp hàng năm của Tổng Cục Thống kê được sử dụng để xác định những doanh nghiệp lớn nhất. Danh sách doanh nghiệp mỗi năm được dựa trên kết quả điều tra của năm trước cộng thêm danh sách các doanh nghiệp mới do cơ quan thuế thuộc Bộ Tài chính cung cấp. Tất cả các doanh nghiệp có từ 10 lao động trở lên đều được xem xét.¹ Đơn vị phân tích là doanh nghiệp hạch toán độc lập có pháp nhân riêng. Ngành hoạt động của doanh nghiệp được xác định theo hoạt động nào đóng góp nhiều nhất cho sản lượng của doanh nghiệp.² Nếu như không xác định được sản lượng, thì sẽ căn cứ vào hoạt động chiếm tỷ lệ lao động lớn nhất (Jammal và các đồng tác giả 2006).

Điều tra doanh nghiệp 2005 (trên thực tế số liệu là của năm 2004), được sử dụng để lựa chọn các doanh nghiệp để gửi bảng hỏi và tiến hành phỏng vấn. Dự án bắt đầu từ tháng 6 năm 2006 và vào thời điểm đó, điều

tra năm 2005 là điều tra mới nhất. Các doanh nghiệp được gửi bảng hỏi từ tháng 8 năm 2006, còn việc phỏng vấn các doanh nghiệp được lựa chọn được tiến hành trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2006 và tháng 5 năm 2007 bởi một nhóm các nhà nghiên cứu của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP). Các doanh nghiệp được lựa chọn để phỏng vấn phần lớn là các doanh nghiệp chế tạo. Tháng Chạp năm 2006, điều tra doanh nghiệp mới nhất được công bố và vì vậy được sử dụng để lập ra danh sách các doanh nghiệp lớn nhất được nêu trong báo cáo. Sự khác biệt giữa các danh sách được thảo luận ở phần dưới.

Có hai danh sách doanh nghiệp được lập. Danh sách thứ nhất bao gồm tất cả các doanh nghiệp có trong điều tra doanh nghiệp. Danh sách thứ hai loại bớt các doanh nghiệp 100% sở hữu nước ngoài để tập trung vào các doanh nghiệp Việt Nam. Hai danh sách này sẽ được gọi là Top 200 và Top 200 Trong Nước. Tổng số doanh nghiệp trong điều tra năm 2006 là 112.947, trong đó 2.852 doanh nghiệp là 100% sở hữu nước ngoài. Có ba doanh nghiệp được nhập tới hai lần nên phải loại bớt Viettel,

¹ Với những doanh nghiệp có ít hơn 10 lao động, chúng tôi gửi bảng hỏi đầy đủ tới một mẫu 20% còn số 80% còn lại thì bảng hỏi được rút gọn.

² Một doanh nghiệp có nhiều hoạt động thì tất cả các hoạt động đó sẽ được quy theo hoạt động lớn nhất. Ví dụ, nếu một doanh nghiệp vừa hoạt động chế tạo vừa hoạt động thương mại, trong đó hoạt động chế tạo chế tạo là lớn nhất, thì phần thương mại cũng được quy là chế tạo. Dù không phải là lý tưởng, đây là tập quán quốc tế (Jammal và các đồng tác giả 2006).

Tân Cảng (Sài Gòn) và Công ty Than Đông Bắc.³ Việc loại bỏ trùng lặp chỉ được tiến hành với danh sách Top 200, còn mức độ trùng lặp trong toàn bộ điều tra thì lại không được biết.

Các doanh nghiệp được xếp hạng theo ba tiêu thức: lao động, tài sản và doanh thu. Số liệu về tài sản là vào thời điểm cuối năm 2003. Thứ hạng chung của doanh nghiệp sau đó được tính bằng cách lấy trung bình xếp hạng của doanh nghiệp theo ba tiêu thức nêu trên. Việc kết hợp cả ba tiêu thức là nhằm cố gắng đưa ra một bức tranh đầy đủ hơn về nền kinh tế. Chẳng hạn, nếu chỉ xếp hạng theo số lao động thôi thì sẽ nhấn mạnh thái quá đối với các ngành thâm dụng lao động.

So sánh hai danh sách thì thấy danh sách Top 200 Trong Nước có 69 trong số 100 doanh nghiệp đứng đầu về số lao động. 20 trong số 31 doanh nghiệp có mặt trong Top 100 xét về số lao động nhưng lại không có trong danh sách Top 200 Trong Nước là các công ty may mặc và giày dép. Trong khi những doanh nghiệp này có nhiều lao động, họ có tài sản ít hơn và thường doanh thu rất thấp. Danh sách Top 200 Trong Nước có 60 trong số 100 doanh nghiệp đứng đầu về tài sản. 20 trong số 40 doanh nghiệp có mặt trong top 100 xét về tài sản nhưng lại không có trong danh sách Top 200 Trong Nước là các công ty tài chính có thứ hạng thấp về số lao động và doanh thu. Danh sách Top 200 Trong Nước có 63 trong số top 100 xét về doanh thu. 12 trong số 37 doanh nghiệp có mặt trong top 100 xét về doanh thu nhưng lại không có trong danh sách Top 200 Trong Nước là những doanh nghiệp thuộc ngành dầu lửa, chủ yếu là bán xăng. Những doanh nghiệp này có doanh thu rất cao nhưng lại ít lao động. Ví dụ, văn phòng trụ sở chính Tổng Công ty Xuất Nhập Khẩu Xăng Dầu

(Petrolimex) đứng thứ hai về doanh thu và đứng thứ mười sáu về tài sản lại chỉ đứng thứ 3.261 xét về lao động. Thứ hạng kết hợp được sử dụng để đưa ra danh sách Top 200 Trong Nước bao quát được gần hai phần ba các doanh nghiệp trong top 100 doanh nghiệp về lao động, tài sản và doanh thu.

Một vấn đề tiềm tàng với phương pháp này là độ tin cậy của các con số được báo cáo. Điều này đặc biệt đúng với phân loại theo tài sản. Việc định giá đất đai, thiết bị và tài sản vô hình có tiếng là khó thực hiện đúng ở Việt Nam. Điều này lại càng đúng hơn nữa với các doanh nghiệp đang trong quá trình cổ phần hóa. Vì lẽ đó cần phải thận trọng với các con số về tài sản. Cũng cần thận trọng khi sử dụng các con số về doanh thu và thuế, do tình trạng doanh nghiệp có thể có nhiều bộ sổ sách kế toán khác nhau (một để khai với nhà nước, một để dùng thật), hóa đơn VAT khống, thương lượng bớt thuế với cán bộ thuế và những lối làm ăn theo kiểu như vậy.⁴

Dù những vấn đề như vậy là rất thật, và nếu cứ ngại ngần về những thiếu sót này thì nguy cơ là sẽ không dám sử dụng số liệu nào cả. Việt Nam là một nước đang phát triển và số liệu còn lộn xộn. Cần cải thiện việc thu thập số liệu, một trong các mục tiêu của báo cáo này là nêu bật những vấn đề này. Điều tra doanh nghiệp của Tổng Cục Thống kê là một trong những công cụ ít ỏi có được. Việc số liệu không chính xác được xem như hiển nhiên, và khi diễn giải số liệu rất cần sự thận trọng. Tuy nhiên, từ đó vẫn có thể có được bức tranh chung.

Một dấu hiệu khả quan là số liệu 2006 cho thấy có cải thiện đáng kể so với 2005. Mức độ không trả lời, hay con số không (zero) về lao động, tài sản và doanh thu đã giảm.⁵

³ Tổng số doanh nghiệp ban đầu trong điều tra 2006 là 112.950. Tuy nhiên, Tổng cục thống kê (2007) báo cáo tổng số doanh nghiệp năm 2005 là 113.352. Ba trong số các doanh nghiệp được bổ sung bị nhập trùng nên đã được bỏ ra. Số 402 doanh nghiệp còn lại là tư nhân, với tổng số lao động là 2.945. Không rõ vì sao lại có sự chênh lệch này. Các con số được trình bày ở đây không tính tới số 402 doanh nghiệp này.

⁴ Báo cáo này gộp chung các loại thuế và gọi chung là thuế đóng. Thuế ở đây bao gồm các loại thuế chính. Trong điều tra doanh nghiệp còn có những biến khác về các khoản đóng góp cho nhà nước gọi là 'phí', 'các phí khác' và 'các khoản bổ sung'. Xem GSO (2007), trang 19-21 để có định nghĩa về các khoản bổ sung.

⁵ Trong danh sách 2005, một doanh nghiệp phải báo cáo các con số cho tối thiểu là hai trong số ba phân loại. Đây không còn là vấn đề trong danh sách năm 2006. Nhờ cải thiện được công tác báo cáo nên việc xếp hạng cũng tốt hơn, điều này phần nào giải thích những sự khác biệt giữa danh sách các doanh nghiệp lớn nhất của điều tra 2005 và điều tra 2006.

Báo cáo về hoạt động ngành bây giờ cụ thể hơn, số doanh nghiệp báo cáo chi tiết ở mức bốn chữ số trong hệ thống Phân loại Công nghiệp Tiêu chuẩn Việt Nam (VSIC) nhiều hơn so với trước.⁶ Điều này cho phép phân biệt chi tiết hơn giữa các hoạt động nhỏ trong cùng một ngành. Phân loại về sở hữu cũng trở nên chính xác hơn, ví dụ nó cho phép phân biệt giữa các loại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nhà nước (trung ương và địa phương) và khả năng có các công ty trách nhiệm hữu hạn nhiều thành viên với nhà nước là chủ sở hữu chính. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một số vấn đề trong thiết kế và thực hiện điều tra, sẽ được thảo luận ở phần dưới.

Đáng tiếc là những cải thiện của năm 2006 lại hạn chế khả năng so sánh với số liệu của năm 2005, chỉ có thể so sánh ở mức độ tổng

thể mà thôi. Từ điều tra 2005, 157 trong danh sách Top 200 doanh nghiệp Việt Nam vẫn có mặt trong danh sách Top 200 Trong Nước của năm 2006. Trong danh sách Top 200 Trong Nước của năm 2006, 80 doanh nghiệp gửi lại bảng hỏi, và 62 doanh nghiệp được phỏng vấn. Một số doanh nghiệp được phỏng vấn không gửi lại bảng hỏi. Tổng số có 104 bảng hỏi được gửi lại và 88 cuộc phỏng vấn được tiến hành với các doanh nghiệp, văn phòng trụ sở Tổng Công ty và hiệp hội ngành. Việc phân tích số liệu lấy từ bảng hỏi chỉ thực hiện với những doanh nghiệp trong danh sách 2006. Còn khi bàn tới các cuộc phỏng vấn doanh nghiệp, thì những phỏng vấn phù hợp với các doanh nghiệp trong danh sách 2005 cũng được đưa vào, khi đó nêu rõ là doanh nghiệp không nằm trong danh sách các doanh nghiệp lớn nhất của năm 2006. Bảng

Bảng 1: Thay đổi ngành theo Phân loại Công nghiệp Tiêu chuẩn Việt Nam (VSIC) của 43 doanh nghiệp khác nhau giữa Top 200 Trong Nước của năm 2005 và Top 200 Trong Nước của năm 2006

Ngành VSIC	2005 (-)	2006 (+)	Thay đổi ròng
Khai thác khoáng sản	1	1	0
Chế tạo	23	14	-9
Xây dựng	10	7	-3
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa xe có động cơ, xe máy và hàng hóa gia dụng và cá nhân	5	8	3
Vận tải, kho bãi và viễn thông	3	4	1
Tài chính, tín dụng	1	7	6
Phát triển, cho thuê và kinh doanh bất động sản	0	1	1
Dịch vụ cá nhân và cộng đồng	0	1	1

Bảng 2: Thay đổi về sở hữu của 43 doanh nghiệp khác nhau giữa Top 200 Trong Nước của năm 2005 và Top 200 Trong Nước của năm 2006

Sở hữu	2005 (-)	2006 (+)	Thay đổi ròng
Nhà nước	36	31	-5
Tư nhân	4	11	7
Nước ngoài	3	1	-2

⁶ Các ngành và tiểu ngành theo phân loại VSIC căn cứ theo phiên bản 3 của Phân loại Công nghiệp Tiêu chuẩn Quốc tế (ISIC). Tất cả các mã VSIC đều có bốn chữ số, còn số 0 dùng để giữ chỗ. Ví dụ, ngành 14 của ISIC được viết thành 1400 trong hệ thống VSIC. Điều tra 2006 có nhiều thông tin chi tiết hơn vì báo cáo ở cấp độ sâu hơn, ví dụ 1421.

1 và 2 tóm tắt những thay đổi về ngành và sở hữu của 43 doanh nghiệp từng có mặt trong Top 200 của 2005 nhưng sau đó đã tụt hạng khỏi danh sách và 43 doanh nghiệp được bổ sung vào danh sách Top 200 của năm 2006.

Bảng 1 cho thấy số công ty trong ngành chế tạo và xây dựng có giảm, trong khi các doanh nghiệp liên quan tới dịch vụ lại tăng, nhất là doanh nghiệp tài chính như ngân hàng. Bảng 2 cho thấy có giảm bớt các công ty của nhà nước và tăng doanh nghiệp tư nhân. Điều này là kết quả của việc tăng số công ty cổ phần không có vốn nhà nước và các công ty cổ phần trong đó vốn nhà nước chiếm dưới 50%. Năm trong số các doanh nghiệp tư nhân mới của năm 2006 là ngân hàng (thêm một doanh nghiệp kinh doanh vàng bạc đá quý nữa), chiếm chỗ của các doanh nghiệp trước nằm trong danh sách Top 200 của năm 2005. Vài doanh nghiệp trong số bị chiếm chỗ hiện chỉ đứng ngoài danh sách Top 200 của năm 2006 không xa.

Cần phải chú thích thêm về cách phân loại sở hữu. Nhóm sở hữu 'nước ngoài' gồm các liên doanh (JVs), nhưng lại không tính các công ty cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài. Ngoài các doanh nghiệp được phân loại rõ là doanh nghiệp nhà nước (SOEs), bất cứ công ty nào có hơn 50% vốn là vốn nhà nước, không tính liên doanh, đều được xem là công ty của nhà nước (GSO 2007).⁷

Tuy nhiên, việc phân loại một số công ty nhất định đã có sự thay đổi. Ví dụ, tháng Giêng năm 2007 tỷ lệ vốn nhà nước trong Công ty Sữa Việt Nam (Vinamilk) đã tụt xuống dưới ngưỡng 50% và vì vậy Vinamilk được xem là doanh nghiệp tư nhân. Quá trình phân loại lại này sẽ còn tiếp tục khi có thêm doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa trong đó phần vốn nhà nước giảm xuống dưới mức đa số. Ngoài ra, một số doanh nghiệp trong danh sách Top 200 năm 2006 đã không còn tồn tại với tư cách đơn vị độc lập nữa, như Công ty Giấy Bãi Bằng đã được sáp nhập với Tổng Công ty Giấy Việt

Nam (Vinapaco). Các doanh nghiệp Việt Nam đang trải qua một thời kỳ thay đổi nhanh chóng. Các Tổng Công ty đang chuyển đổi thành các Tập đoàn Kinh tế. Các công ty thành viên của các Tổng Công ty đang được cổ phần hóa thành công ty cổ phần, một số thì lại trở thành tổng công ty. Danh sách Top 200 năm 2006 hiện đã lỗi thời. Chính phần nào vì sự thay đổi nhanh chóng và vì những khó khăn trong việc theo dõi sự thay đổi đó nên bảng hỏi điều tra 2006 đã được dùng để đảm bảo sự nhất quán, cho dù sự nhất quán đó chỉ hạn chế ở năm 2005.

Điều này đặt ra câu hỏi về việc dùng doanh nghiệp hạch toán độc lập làm đơn vị để phân tích và định nghĩa thế nào là 'lớn'. Nếu được yêu cầu nêu tên những doanh nghiệp lớn nhất ở Việt Nam, nhiều người sẽ nêu tên những Tổng Công ty nổi bật như PetroVietnam, Vinashin và Vinatex. Tuy nhiên, trong điều tra doanh nghiệp, các Tổng Công ty lại không được coi là một đơn vị duy nhất với tư cách công ty. Có những ngoại lệ quan trọng đối với điều này được thảo luận ở phần dưới. Các đơn vị thành viên hạch toán độc lập báo cáo với tư cách doanh nghiệp riêng biệt, trong khi văn phòng trụ sở Tổng Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc lại cùng báo cáo dưới tên của văn phòng. Mặc dù điều này không cản trở việc văn phòng trụ sở có tên trong danh sách Top 200, nhưng các con số thể hiện không bao quát hết mọi công ty thành viên của tổng công ty.

Việc sử dụng doanh nghiệp hạch toán độc lập làm đơn vị để phân tích có thể có một số lý do biện hộ. Thứ nhất, điều tra doanh nghiệp được tổ chức theo cấu trúc như vậy. Để có thể tiếp tục so sánh với các doanh nghiệp không thuộc Tổng Công ty, thì cần phải duy trì đơn vị điều tra y như cũ. Ngoài ra, việc gộp tất cả các công ty thành viên Tổng Công ty vào văn phòng trụ sở Tổng Công ty để có con số về toàn công ty là dựa trên giả định rằng Tổng Công ty hoạt động như tổ chức gắn kết. Giả định này có thể đúng với một số Tổng Công ty, nhưng cũng

⁷ Luật Doanh nghiệp 2005, có hiệu lực tháng Bảy năm 2006, xác định lại tỷ lệ kiểm soát đa số là từ 65% trở lên. Tuy nhiên, cũng luật này quy định rằng bất cứ doanh nghiệp nào có hơn 50% vốn nhà nước thì được gọi là doanh nghiệp nhà nước. Còn phải chờ xem liệu các phân loại có thay đổi trong các điều tra doanh nghiệp trong tương lai không, và nếu có thì thay đổi như thế nào.

có những lý lẽ để bác bỏ nó. Báo cáo chính có nêu một ý rằng một số Tổng Công ty đang tan rã. Nếu không vì lý do nào khác thì việc sử dụng đơn vị hạch toán độc lập sẽ cho phép so sánh được với các điều tra khác trong tương lai, lúc đó một số Tổng Công ty đã không còn tồn tại nữa do quá trình cổ phần hóa.

Thứ hai, các Tổng Công ty có nhiều thành viên, cả lớn cả bé. Việc sử dụng các doanh nghiệp hạch toán độc lập làm đơn vị để phân tích cho phép xác định được các công ty thành viên lớn nhất trong cả Tổng Công ty. Một số các Tổng Công ty có nhiều thành viên có tên trong Top 200, trong khi những Tổng Công ty khác chỉ có một hoặc hai công ty thành viên chiếm phần lớn quy mô của công ty mẹ. Thứ ba, phương pháp này cho phép xác định được sự phân bố địa lý của các công ty thành viên độc lập, nhất là ở phía bắc và phía nam, chứ không chỉ thuần túy coi Tổng Công ty là một đơn vị có trụ sở ở Hà Nội, hay trong trường hợp hiếm hơn, ở thành phố Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, vẫn tồn tại một vấn đề cơ bản. Trong điều tra 2006, bốn Tổng Công ty và bốn ngân hàng thương mại quốc doanh (SOCBs) báo cáo gộp như một tổng công ty, tức là con số của họ tính cả các công ty thành viên hạch toán độc lập. Tám doanh nghiệp đó là:

- Điện lực Việt Nam (EVN)
- Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)
- Hàng không Việt Nam (Vietnam Airlines)
- Đường sắt Việt Nam (VNR)
- Ngân hàng Công Thương Việt Nam (Incombank)
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)
- Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam (BIDV)

Sự khấp khểnh về đơn vị phân tích không cho phép so sánh giữa các doanh nghiệp trong phạm vi điều tra doanh nghiệp. Trước hết là xảy ra việc tính hai lần. Các con số về một công ty thành viên hạch toán độc lập của một trong tám doanh nghiệp nêu trên được đưa vào phần của doanh nghiệp độc lập rồi lại được đề cập một lần nữa với tư cách một phần của các con số về công ty mẹ. Phép cộng đơn giản về số lao động, tài sản, doanh thu và thuế đóng dựa trên điều tra hiện tại vì thế không có giá trị xác thực. Điều này đặt dấu hỏi về các báo cáo của Tổng Cục Thống kê dựa trên điều tra doanh nghiệp mà không có điều chỉnh gì về chuyện này. Thứ hai, tám doanh nghiệp này vì tính gộp như vậy nên có vẻ như lớn hơn so với thực tế của chúng theo đơn vị phân tích tiêu chuẩn trong điều tra doanh nghiệp, làm méo mó thứ hạng các doanh nghiệp. Cũng có thể là các Tổng Công ty khác, nếu họ khai báo với tư cách các tổng công ty như thế này, sẽ còn lớn hơn vài trong số tám tổng công ty nêu trên. Ví dụ, so sánh với bảng hỏi mà UNDP nhận được thì Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) có số lao động nhiều hơn VNPT tới 20.000 người.

Cần phải tách các thành viên hạch toán độc lập ra khỏi tám tổng công ty này thì mới có thể so sánh giữa các doanh nghiệp. Điều này được thực hiện bằng cách liên lạc trực tiếp với các Tổng Công ty và xin số liệu về lao động, tài sản, doanh thu và thuế đóng trong năm 2005 của chỉ riêng văn phòng trụ sở và các đơn vị hạch toán phụ thuộc mà thôi. Những số liệu này được nhập vào số liệu điều tra 2006. Việt Nam Airlines từ chối cung cấp số liệu nên chúng tôi phải tự xoay sở lấy. Các công ty thành viên hạch toán độc lập được tìm ra từ điều tra doanh nghiệp và các số liệu về lao động, tài sản, doanh thu và thuế của họ được trừ ra từ con số tổng của Tổng Công ty. Chúng tôi tìm ra

Bảng 3: Kết quả tổng hợp về những điều chỉnh Tổng Công ty

Lao động	Tài sản	Doanh thu	Thuế
-70.361	-78.937.553	-49.821.512	1.073.327

Lưu ý: tài sản, doanh thu và thuế tính bằng VND

được chín công ty thành viên của Việt Nam Airlines, kể cả các doanh nghiệp trong Top 200. Cách làm này không phải là tối ưu mà chỉ là giải pháp tạm thời nhưng dù sao thì nó cũng cho phép tính được một con số gần đúng khá dĩ dùng được về số liệu của văn phòng trụ sở và đơn vị phụ thuộc mà thôi. Sau đó căn cứ vào những số liệu mới này chúng tôi tính ra thứ hạng và các con số tổng mới về lao động, tài sản, doanh thu và thuế đóng.

Bảng 3 thể hiện những thay đổi từ việc điều chỉnh lại những Tổng Công ty nào báo cáo gộp toàn bộ tổng công ty. Sau khi điều chỉnh, số nhân viên giảm đi 70.361 người so với con số trong điều tra doanh nghiệp. Các tham số khác cũng giảm. Chỉ có thuế tăng là vì VNPT trong điều tra doanh nghiệp đã báo cáo thuế bằng không.

Để đảm bảo các Tổng Công ty khác không báo cáo theo cách gộp chung như vậy, chúng tôi đã sử dụng một phép kiểm tra đơn giản. Nếu có bất kỳ một công ty thành viên nào lại có thứ hạng cao hơn so với công ty mẹ, thì có nghĩa là Tổng Công ty đã không báo cáo gộp với tư cách một doanh nghiệp duy nhất. Khi Tổng Công ty có thứ hạng cao hơn, thì chúng tôi lấy số liệu của công ty mẹ trừ đi số liệu của doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập. Nếu hiệu là số âm, thì có nghĩa là Tổng Công ty đã không báo cáo gộp với tư cách toàn bộ tổng công ty. Những sự kiểm tra và điều chỉnh này cho phép có thể so sánh các doanh nghiệp trong điều tra doanh nghiệp.

Mức độ của vấn đề báo cáo gộp thành một công ty phụ thuộc vào tình hình cụ thể của từng Tổng Công ty. Ví dụ, năm 2005 EVN chỉ có vài công ty thành viên độc lập. Các thành viên khác là các đơn vị hạch toán phụ thuộc và vì thế được đưa gộp vào số liệu của EVN theo đúng định nghĩa về đơn vị dùng để phân tích. Cũng như vậy đối với VNPT và các ngân hàng thương mại quốc doanh. Những doanh nghiệp này có vẻ lớn hơn năm 2005 một phần là vì họ có một tỷ lệ lớn các thành viên phụ thuộc hơn là các thành viên hạch toán độc lập. Tuy nhiên, tình hình này đang thay đổi vì EVN và VNPT cổ phần hóa các đơn vị thành viên, chuyển đổi các đơn vị phụ thuộc thành các đơn vị

độc lập và bán bớt cổ phần nhà nước. Trong các cuộc điều tra tương lai, những thay đổi này sẽ khiến EVN và VNPT có vẻ nhỏ hơn so với hiện tại.

Một lĩnh vực nữa cần phải chỉnh sửa thủ công là tình trạng không có trả lời về số liệu đóng thuế. Có hai tổng công ty, một công ty thành viên của tổng công ty và bốn doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài báo cáo số thuế đóng năm 2006 bằng không. Đó là:

- VNPT
- Hàng Không Việt Nam
- Bưu chính Viễn thông Bà Rịa Vũng Tàu
- Công ty TNHH Dệt Tainan Spinning Co Ltd
- Pouchen Viet Nam
- Công ty TNHH Giày Kingmaker Footwear Viet Nam Ltd
- Công ty TNHH Động cơ Mabuchi Motor Viet Nam Co Ltd

Với VNPT chúng tôi sử dụng số liệu của riêng văn phòng trụ sở và đơn vị phụ thuộc mà họ về sau cung cấp theo yêu cầu. Do Việt Nam Airlines báo cáo thuế bằng không và không gửi trả bằng hỏi, nên không thể điều chỉnh gì mà đành phải để nguyên là zero. Năm doanh nghiệp còn lại được liên hệ trực tiếp. Bưu chính Viễn thông Bà Rịa Vũng Tàu có cung cấp số liệu. Tainan Spinning cung cấp số liệu 'ước chừng', số liệu này được đưa vào điều tra. Ba doanh nghiệp kia nói rằng họ được hưởng ưu đãi thuế và gần như không phải đóng Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (CIT) gì trong năm 2005. Tuy nhiên, họ có đóng các thuế khác, như thuế đất và thuế VAT, nhưng họ từ chối cung cấp những số liệu này. Vì vậy, số liệu thuế đóng bị thấp hơn so với thực tế đóng thuế của các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài và doanh nghiệp nhà nước. Dù sao, do các con số tổng có quy mô lớn nên những số liệu thiếu sót và sơ sài này tuy không có độ chính xác cao nhưng vẫn cho phép ta có thể tạm so sánh.

Trong điều tra doanh nghiệp, 2.926 doanh nghiệp không báo cáo về ngành hoạt động. Trong danh sách Top 200 và danh sách Top 200 Trong Nước, có năm doanh nghiệp không báo cáo về ngành hoạt động. Việc phân loại ngành cho những doanh nghiệp

này dựa trên hoạt động chủ chốt.⁸ Những doanh nghiệp này là:

- Công ty xây dựng số 319, được gán mã 4520 trong ngành xây dựng F,
- Công ty Vật liệu Phú Yên, được gán mã 5141 trong ngành bán buôn bán lẻ G,
- Công ty số 28, được gán mã 1810 trong ngành chế tạo D,
- Công ty Thanh An, được gán mã 4520 trong ngành xây dựng F.

Tất cả những doanh nghiệp này trừ Công ty Vật liệu Phú Yên đều thuộc Bộ Quốc phòng. Tình trạng không có trả lời đầy đủ về ngành trong điều tra doanh nghiệp dẫn tới việc tỷ lệ tập trung của các doanh nghiệp trong Top 200 vào một số lĩnh vực ngành nghề có vẻ quá cao xét về lao động, tài sản, doanh thu và thuế.

Một lời cuối cùng về số liệu địa điểm doanh nghiệp theo tỉnh. Việt Nam có 64 tỉnh và thành phố được gán mã tỉnh trong điều tra doanh nghiệp từ 1 tới 96. Tuy nhiên, trong điều tra còn có thêm ba mã nữa: 97, 98 và 99. Mã 97 là hoán vị của 79, mã của thành phố Hồ Chí Minh. Mã 98 vẫn là điều bí hiểm. Chín doanh nghiệp báo cáo mã tỉnh là 98 trong điều tra doanh nghiệp. Những doanh nghiệp này được nghiên cứu riêng từng doanh nghiệp để tìm ra địa điểm và mã tỉnh tương ứng.⁹ Đa số các doanh nghiệp này tập trung ở Hà Nội. Mã 99 chủ yếu là dành cho các Tổng Công ty báo cáo với tư cách Tổng Công ty. Theo nguyên tắc phân loại trong điều tra doanh nghiệp, được thảo luận dưới đây, thì các doanh nghiệp này được coi là ở địa bàn Hà Nội vì đây là nơi họ đặt trụ sở chính. Tuy nhiên, làm như vậy khiến cho con số của Hà Nội có vẻ quá cao bởi vì

thực ra những doanh nghiệp này là các doanh nghiệp toàn quốc.

Điều tra doanh nghiệp căn cứ vào doanh nghiệp chứ không phải cơ sở kinh doanh làm đơn vị phân tích. Các số liệu về doanh nghiệp có nhiều cơ sở có giá trị ý nghĩa ở cấp toàn quốc nhưng lại trở nên vô nghĩa ở cấp tỉnh nếu doanh nghiệp có nhiều cơ sở ở các tỉnh khác nhau (*Jammal và các đồng tác giả* 2006). Nhiều trong số các doanh nghiệp lớn nhất là các doanh nghiệp nhiều cơ sở và không có gì ngạc nhiên là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh có nhiều doanh nghiệp lớn so với các tỉnh khác bởi vì văn phòng trụ sở chính của các doanh nghiệp thường đặt ở hai thành phố này. Vì thế nên đếm theo tỉnh sẽ dẫn tới ngộ nhận. Nói đúng ra, thì điều này cũng đúng với các số liệu theo khu vực (bắc, trung, nam), mặc dù mức độ sai lệch ít hơn bởi vì số doanh nghiệp có nhiều cơ sở ở nhiều vùng ít hơn.

Có một số thiếu sót nghiêm trọng trong số liệu điều tra doanh nghiệp. Chúng tôi đã nỗ lực khắc phục những thiếu sót đó trong chừng mực có thể. Do những hạn chế này, việc diễn giải số liệu chỉ mang tính đại khái, dựa trên 'gần như', 'hầu hết', và 'khoảng' để giải thích số liệu được trình bày. Không thể chính xác được nhưng điều đó cũng không khiến cho số liệu trở nên vô nghĩa. Cho dù có vấn đề, số liệu năm 2006 là một sự cải thiện so với năm 2005 nhờ có phân loại chi tiết hơn về ngành và sở hữu và ít tình trạng không trả lời về lao động, tài sản, doanh thu và thuế hơn. Tuy nhiên, một số số liệu, nhất là số liệu về sở hữu, đã không còn cập nhật nữa. Vì thế nên báo cáo chỉ cung cấp được bức tranh tĩnh của năm 2005 về các doanh nghiệp lớn nhất.

⁸ Tổng Cục Thống kê yêu cầu doanh nghiệp phân chia các hoạt động, và lấy hoạt động chính làm cơ sở để phân loại ngành.

⁹ Danh bạ doanh nghiệp Việt Nam của Bộ Thương mại là một cơ sở dữ liệu trực tuyến tuyệt vời về các doanh nghiệp ở Việt Nam. Địa chỉ URL được cung cấp trong phần Tài liệu tham khảo.



Tài liệu tham khảo

General Statistics Office (GSO) (2007) The Real Situation of Enterprises Through the Results of Surveys Conducted in 2004, 2005, 2006, Hanoi: Statistical Publishing House.

Tổng Cục Thống kê (2007) Thực trạng doanh nghiệp qua kết quả điều tra tiến hành năm 2004, 2005, 2006, Hà Nội: Nhà Xuất bản Thống kê.

Jammal, Yahya, Dương Trí Thắng và Phạm Đình Thúc (2006) 'Điều tra doanh nghiệp Việt Nam hàng năm', Báo cáo của dự án GSO/UNDP/DFID 00040722 'Hỗ trợ Theo dõi Phát triển Kinh tế - Xã hội', Hà Nội, tháng Bảy.

Ministry of Trade (2007) 'Viet Nam Business Directory', Viet Nam Trade Information Center, http://asemconnectvietnam.gov.vn/Companies/Ministries.aspx?bo_id=11.

Bộ Thương mại (2007) 'Danh bạ doanh nghiệp Việt Nam', Trung tâm Thông tin Thương mại Việt Nam, http://asemconnectvietnam.gov.vn/Companies/Ministries.aspx?bo_id=11.

UNDP là mạng lưới phát triển toàn cầu của LHQ, tuyên truyền vận động cho sự đổi mới và là cầu nối giữa các nước với tri thức, kinh nghiệm và nguồn lực để giúp người dân xây dựng một cuộc sống tốt đẹp hơn. Chúng tôi có mặt ở 166 quốc gia, giúp họ nghiên cứu và đưa ra giải pháp riêng của mỗi nước cho các thách thức phát triển quốc gia và toàn cầu. Khi những nước này tăng cường năng lực quốc gia, họ dựa vào sự giúp đỡ của các nhân viên UNDP và rất nhiều đối tác của chúng tôi.



Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc
25-29 Phan Bội Châu, Hà Nội - Việt Nam
Tel.: (84 4) 942 1495
Fax: (84 4) 942 2267
e-mail: registry.vn@undp.org

www.undp.org.vn